TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 02 – 2024
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi
Bà Đoàn Thị Bẩy

Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 704/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Yến T. Sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: Ấp Xóm Mới, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P. Sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Thời, xã A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Huỳnh Yến T trình bày và xác định yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Thanh P tự nguyện kết hôn vào ngày 06/10/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2016). Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường xuyên cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị đã về nhà cha mẹ ruột ở ấp Xóm Mới, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu ở từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Hiện chị xác định không

còn tình cảm, thể chung sống được nữa với anh P nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

Về con chung: Có một người con tên Nguyễn Gia Ph, sinh ngày 04/8/2016. Hiện con đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Thanh P: Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh biết tham gia tố tụng tại vụ án nhưng anh P đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thanh P đến để tham gia các phiên xét xử nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Chị T và anh P tự nguyện kết hôn vào ngày 06/10/2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2016) đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Quá trình chung sống chị T xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 12 năm 2019 đến nay, không còn tình cảm với nhau, chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh P được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Đối với anh P đã biết việc chị T xin ly hôn nhưng không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo như trình bày của chị T và chấp nhận cho chị T ly hôn với anh P.

[4] Về con chung: Có một người con chung Nguyễn Gia Ph, sinh ngày 04/8/2016. Hiện con đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con. Anh P không có ý kiến về yêu cầu này của chị T. Nguyện vọng của cháu Phát là muốn sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Thực tế con cũng đang sống cùng chị T, để tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của cháu nên tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh P, đây là sự tự nguyện của chị T, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có. Anh P không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề này nên chấp nhận ý kiến của chị T.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Yến T ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia Phát, sinh ngày 04/8/2016 cho chị Huỳnh Yến T trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Thanh P.

Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Yến T phải chịu 300.000đồng. Ngày 07/12/2023, chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0007756 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thùy Nhiêu

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- UBND xã Tân Thạnh, TX. Giá Rai, T. Bạc Liêu.
- Các đương sự;
- Lưu.